

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 10 - 2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Xuân Mâu

2. Ông Võ Khắc Hoan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Vân H**, sinh năm 1992; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: **Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Hiện cư trú: No 5, 8Th Floor, **N, Q, R, 2 honghe, D, New Taipei C (Thành phố T, Đài Loan). Về Việt Nam** ngày 24 tháng 9 năm 2023, hiện cư trú: **Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, có mặt.

*Bị đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh ngày 28/7/1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai**; Nơi tạm trú: **Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: **Đ - Phân trại số A- Trại giam N, N, H, tỉnh Ninh Bình**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị **Phan Thị Vân H** trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Phan Thị Vân H** và anh **Trần Văn T** tìm hiểu, yêu nhau ở nước ngoài, sau đó hai vợ chồng về Việt Nam tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **B**, tỉnh **Lào Cai**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở quê chồng được khoảng 4 tháng, đến tháng 9/2017 thì về nhà bố mẹ đẻ của chị **H** tại xã **Đ** huyện **B**, sinh sống và sinh con. Tháng 11 năm 2017 anh **T** có hành vi vi phạm pháp luật hình sự nên bị bắt giam, hiện nay anh **T** đang chấp hành án tại Trại giam **N**, tỉnh **Ninh Bình**. Đến tháng 3 năm 2019 chị **H** qua lại bên Đài Loan làm việc. Từ đó hai vợ chồng không liên lạc với nhau, anh **T** đang thi hành án đến 12 năm tù, hai vợ chồng chung sống với nhau thời gian không nhiều nên không còn tình cảm gì nữa. Vì vậy, chị **H** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Văn T** để ổn định cuộc sống và nuôi dạy con chung.

*Về quan hệ con chung:* Chị **Phan Thị Vân H** trình bày vợ chồng có 01 con chung tên **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018, hiện tại cháu đang sống cùng ông bà ngoại và mẹ. Sau khi ly hôn chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **B**; không yêu cầu anh **Trần Văn T** cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh **T** đang chấp hành án thời gian dài, chị đảm bảo được việc nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung:* Chị **Phan Thị Vân H** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về phía bị đơn anh Trần Văn T:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có văn bản số 1496/CV-TA ngày 24/5/2023 gửi cho Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tiến hành lấy lời khai và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho bị đơn anh **Trần Văn T**, hiện đang thụ án tại Trại giam **N**, tỉnh **Ninh Bình**.

Anh **Trần Văn T** trình bày tại Bản tự khai ngày 30/6/2023: Hiện nay đang thụ án tại Trại giam **N**, tỉnh **Ninh Bình**, chị **Phan Thị Vân H** ở nước ngoài gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án tỉnh Quảng Bình, anh đồng ý để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết.

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh **T** và chị **Phan Thị Vân H** tìm hiểu, yêu nhau bên nước ngoài, sau đó về Việt Nam và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2017 tại UBND xã **T**, huyện **B**, tỉnh **Lào Cai**. Sau khi kết hôn vợ chồng ở Lào cai được 4 tháng đến tháng 9/2017 thì vợ chồng về nhà ngoại tại xã **Đ**, huyện **B**, tỉnh **Quảng Bình** sống và sinh con. Tháng 11/2017 anh **T** bị bắt giam, hiện đang thụ án tại Trại giam **N**, tỉnh **Ninh Bình**, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có nguyện vọng được ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

*Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 01 đứa con chung **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018 hiện đang sống cùng ông bà ngoại. Nguyện vọng sau khi ly hôn anh để chị **H** được trực tiếp nuôi con, vì hiện nay anh đang thụ án không thể chăm sóc con được.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay anh đang thụ án tại trại giam không thể có mặt tại Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm chị **Phan Thị Vân H** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh **Trần Văn T** và xin được nuôi con chung. Anh **Trần Văn T** có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về vụ án:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H**, cho chị **Phan Thị Vân H** được ly hôn anh **Trần Văn T**; về con chung: giao cháu **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018 cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh **T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung chị **H**, anh **T** không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí buộc chị **H** phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng: Chị **Phan Thị Vân H** là công dân Việt Nam nhưng đang cư trú và làm việc tại nước ngoài, đơn khởi kiện, bản tự khai chị **H** làm có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa **Việt Nam tại Đ**, đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác để lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho anh **Trần Văn T** nhưng anh **T** hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của **Trại giam N**. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị Vân H** và anh **Trần Văn T** có quá trình tìm hiểu nhau ở nước ngoài được một thời gian thì vợ chồng về Việt Nam và tự nguyện đến tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **B**, tỉnh **Lào Cai** đăng ký kết hôn ngày 15/5/2017, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 8 tháng thì anh **T** phạm tội hình sự và đang chấp hành án tại **Trại giam N, tỉnh Ninh Bình**. Chị **H** một mình sinh con, chăm sóc con nhỏ, vợ chồng sống xa nhau thiếu sự cảm thông chia sẻ. Qua một thời gian xa cách vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, chị **H** khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn với anh **T**. Đối

với anh **Trần Văn T** trong quá trình giải quyết vụ án anh **T** đã gửi ý kiến cho Tòa án, anh **T** cũng đồng ý ly hôn chị **H** và để chị **H** nuôi con vì anh đang thụ án thời gian dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, xử cho chị **Phan Thị Vân H** được ly hôn anh **Trần Văn T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Xét ý kiến, yêu cầu của chị **Phan Thị Vân H**: cháu **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018 hiện đang sống cùng ông bà ngoại và chị **H**. Sau khi ly hôn chị **H** có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện nay anh **Trần Văn T** đang ở trong trại giam không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, hơn nữa từ khi sinh ra cháu **B** đã sống với chị **H** và ông bà ngoại. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao con chung cháu **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018 cho chị **H** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, chị **H** trình bày có đủ điều kiện để nuôi con trưởng thành, không yêu cầu anh **Trần Văn T** đóng góp cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự tự nguyện của chị **H**.

2.3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: chị **H**, anh **T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị **Phan Thị Vân H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 228, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị **Phan Thị Vân H** được ly hôn anh **Trần Văn T**.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu **Trần Gia B**, sinh ngày 17/4/2018 cho chị **Phan Thị Vân H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **Trần Văn T** đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Phan Thị Vân H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông **Phan Văn C1** (nộp thay) tại biên lai số: 31AA/2021/0005293 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai chị **Phan Thị Vân H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Trần Văn T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**